TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-PT
Ngày 5- 5 -2023
"*V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà
Các Thẩm phán Ông Võ Đình Sớm
Ông Lưu Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 1 năm 2023 về việc "*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS -ST ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Anh D, sinh năm 1977; địa chỉ: phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh H, sinh năm 1980; địa chỉ: phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn ông D trình bày: Vào chiều ngày 07/12/2019 ông H dùng xe máy đào, đào phá, hủy hoại toàn bộ cây cảnh của tôi gồm: 10 cây lộc vừng nhỏ giá trị 10 x 10.000.000đ/cây = 100.000.000đ; 02 cây Lộc vừng lớn giá trị 20.000.000đ/cây = 40.000.000đ; 4 cây Huỳnh đàn lớn giá trị 5.000.000đ/cây = 20.000.000đ; tổng cộng thiệt hại 160.000.000đ.

Nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H phải bồi thường cho tôi giá trị các cây trồng trên trị giá 160.000.000đ;

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia hòa giải và triệu tập đến phiên tòa lần 2, nhưng anh H đều vắng mặt và không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, trong bản khai đề ngày 19/5/2020 (có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý, giải quyết năm 2020- đã đình chỉ vì D rút đơn khởi kiện) mà Hội đồng xét xử đã thu thập trong thời gian ngừng phiên tòa, bị đơn anh H trình bày: Vào ngày 10/11/2019 vợ chồng anh H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H1 (chị ruột của anh D) hiện ở tại 232 T, phường A, thị xã A, Gia Lai, hai bên đã trả đủ tiền và giao đất ngày 11/11/2019, về phần H1 có trách nhiệm di dời một số cây trong phần đất chuyển nhượng để gia đình anh H được sử dụng đất, vì có một số cây xanh của D trên đất này, sau thời gian mua đất anh đã nhiều lần nhắc nhở, cụ thể là 3 lần trong thời gian gần 02 tháng cho D (em H1) di dời một số cây khỏi mảnh đất được chuyển nhượng, nhưng không thấy di dời, gia đình rất xót vì mua tài sản mà không được sử dụng. Trong dịp cuối năm anh có máy đào kéo về để sửa chữa, nên anh nghĩ đánh máy ra đào cây cho D và bỏ sang một bên để D vận chuyển đi nơi khác, anh đào không hư hỏng một cây nào như D ghi trong đơn khởi kiện, sự việc xảy ra như vậy. Anh không đồng ý anh D đòi bòi thường thiệt hại, vì mảnh đất đó thuộc quyền sử dụng gia đình anh. Vì tình làng nghĩa xóm gia đình anh đã tạo điều kiện cho D thời gian rất dài để di dời cây, nhưng D không di dời để gia đình anh làm công việc mà lại còn kiện anh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS -ST ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235; Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 584, 588, 589 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh D về việc: yêu cầu anh H bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 160.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu tiền án phí; thông báo quyền thoả thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 5/12/2022, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H1 (chị ruột của anh D) với bị đơn .

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định về việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo như sau:

[1] Về tố tụng: D khởi kiện cho rằng năm 2019 anh H đào, phá cây trồng (là cây làm cảnh) của anh trồng, làm thiệt hại tài sản với số tiền là 160.000.000đ, nên D yêu cầu bồi thường.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản* ". Căn cứ vào các quy định tại Điều Điều 21, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 BLTTDS để thụ lý, xem xét yêu cầu khởi kiện là đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, đúng thẩm quyền, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và việc giải quyết vụ kiện của Tòa án cấp sơ thẩm thấy rằng:

Vào ngày 10/11/2019 vợ chồng anh H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H1 (chị ruột của anh D) hiện ở tại 232 H, phường A, thị xã A, Gia Lai, hai bên đã trả đủ tiền và giao đất ngày 11/11/2019. Việc chuyển nhượng đất trên, D biết và có ký vào bên chuyển nhượng cùng với H1 trong hợp đồng chuyển nhượng.

Hợp đồng không xác định nghĩa vụ của anh H phải di dời cây cảnh, hay xác định thời gian cụ thể để D thực hiện việc di dời cây.

Xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị H1 và anh H được thực hiện một cách hợp pháp. Các bên thực hiện xong nghĩa vụ giao tiền và nhận quyền sử dụng đất. D cũng đồng ý với việc chuyển nhượng này nên anh H có các quyền hợp pháp của người nhận chuyển quyền sử dụng đất trên phần đất đã nhận chuyển nhượng.

D biết rõ việc chuyển nhượng này, đến phiên tòa phúc thẩm anh cho rằng việc chuyển nhượng trên là không hợp pháp do anh bị chị H1 lừa. Việc trình bày của D là không có căn cứ.

Đối với việc di dời một số cây sanh, cây lộc vừng trên đất, xét đây là trách nhiệm của phía nguyên đơn khi quyền sử dụng đất được chuyển giao cho người

khác. Trong vụ kiện này, thời gian để di dời cây trồng nêu trên đã được phía bị đơn kéo dài kể từ khi nhận quyền sử dụng đất. Việc không di dời cây trồng trên đất trong thời gian dài gây trở ngại cho việc thực hiện các quyền của người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Qua đánh giá các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xác định hành vi di dời cây trồng của anh H là không vi phạm pháp luật; không phát sinh trách nhiệm pháp lý về bồi thường thiệt hại của anh H cho D theo quy định tại Điều 584, 589 của BLDS 2015; không chứng minh được lỗi của anh H, không chứng minh hậu quả thực tế đối với các cây trồng anh H di dời là thiệt hại 160.000.000đ như D khởi kiện.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của D là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của D.

Đối với yêu cầu kháng cáo về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh H và chị H1 mà D yêu cầu. Xét yêu cầu này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1.Không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235; Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 584, 588, 589 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.1.Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh D về việc yêu cầu anh H bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 160.000.000đồng.

1.2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), được khấu trừ 4.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011684 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A. D phải nộp thêm 4.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0011999 ngày 8-12-2022

của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia lai. Anh D đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Gia Lai;*
- *TAND thị xã A ;*
- *VKSND thị xã A;*
- *Chi cục THA dân sự thị xã A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Lê Văn Hà